TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BOM** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **52A**/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 14-5-2021.
V/v: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Bá Đức.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Tạ Văn Đài.
2. Ông Đặng Quang Hoạch.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy Kiều - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: Ông Cao Văn Bình - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 898/2020/TLST- HNGĐ ngày 11 tháng 11 năm 2020 về việc: "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 898/2021/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà a, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp O, xã CĐ, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.
2. Bị đơn: Ông Phạm Thanh T, sinh năm 1990.
Địa chỉ: Ấp TA, xã ST, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai.
(Bà N, ông T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn bà a trình bày:

Bà N và ông Phạm Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau năm 2011 tại UBND xã ST, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai. Quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Nay tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên bà N xin ly hôn với ông T.

Về con chung: Ông bà có 01 con chung tên Phạm Thị Tuyết Nghi, sinh ngày 05/11/2011. Ly hôn, bà N đồng ý để ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung và tạm thời bà N không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Quá trình tố tụng tại Tòa án, bị đơn ông Phạm Thanh T vắng mặt nên không có trình bày.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án được tiến hành theo quy định pháp luật. Đối với việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn xin ly hôn của bà a. Cho bà N được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

Về con chung: Giao 01 người con chung tên Phạm Thị Tuyết Nghi, sinh ngày 05/11/2011 cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến trình bày của ông T nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 buộc bà N phải nộp án phí ly hôn theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

1.1. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong vụ án, yêu cầu khởi kiện và quy định pháp luật, "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung" thuộc trường hợp quy định tại Điều 28; Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom thực hiện thủ tục thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền.

1.2. Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn bà N có đơn xin vắng mặt, ông T vắng mặt lần 02 không có lý do căn cứ theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các bên đương sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Bà a và ông Phạm Thanh T tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào năm 2011 và được Ủy ban nhân dân xã ST, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn nên là hôn nhân hợp pháp.

Bà N xác định vợ chồng có mâu thuẫn do hai vợ chồng không có tiếng nói chung, không thể hòa hợp, không cùng quan điểm sống. Bà N kiên quyết xin ly hôn với ông T. Ngoài ra, Tòa án đã tiến hành triệu tập ông T đến Tòa án để làm việc, hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai

chứng cứ và xét xử nhiều lần nhưng ông T vắng mặt không có lý do thể hiện thái độ bỏ mặc mối quan hệ hôn nhân trên. Xét thấy, vợ chồng bà N, ông T không còn không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình nên tình trạng hôn nhân giữa bà N, ông T đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N xin ly hôn với ông T là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3]. Về con chung: Bà N, ông T có 01 người con chung tên Phạm Thị Tuyết Nghi, sinh ngày 05/11/2011. Ly hôn, bà N đồng ý để cho ông T được trực tiếp nuôi con chung nên giao cháu Nghi cho ông T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4]. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời bà N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà a có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Do không có ý kiến trình bày của ông T nên tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi có yêu cầu.

[6]. Về quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bà N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 203, Điều 220, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội khóa 14.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà a được ly hôn với ông Phạm Thanh T.

2. Về con chung: Giao 01 người con chung tên Phạm Thị Tuyết Nghi, sinh ngày 05/11/2011 cho ông Phạm Thanh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Tạm thời bà a không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà a có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

4. Về án phí: Bà a phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng (Ba trăm ngàn đồng) tại Biên lai thu số 0006005 ngày 09/11/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Bà N đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND H. Trảng Bom;
- THADS huyện Trảng Bom;
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã ST, huyện Trảng Bom (Giấy CNKH số 125, quyển số 1 ngày 28/11/2011);
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN BÁ ĐỨC